

## UNIT 7 -LESSON 1

*Student's book P.78. + Workbook P 54,55. (Sách bài học trang 78 + Sách bài tập trang 54,55)*

Tuesday , February 15th , 2022

Unit 7

Lesson 1

### Vocabulary

- 1.train: xe lửa
- 2.ticket office: văn phòng bán vé
- 3.Subway: tàu điện ngầm
4. Cafe: cửa hàng bán cafe
5. Open: mở cửa
6. Close: đóng cửa
7. Arrive: đến nơi
8. Leave: Rời khỏi

### Structure:

**S+ V+ at + time**

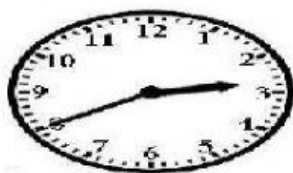
The cafe opens at eight o'clock.

The train leaves at one thirty.

### Notes (Dặn dò):

- **Learn vocabulary and structures** (*Học lại từ từ vựng và cấu trúc bài hôm nay*)
- **Look back workbook** on page 54,55. (*Xem lại bài tập trang 54,55*)

### 1. Write the time under each picture (Viết lại thời gian dưới mỗi hình)



1.



2.



3.



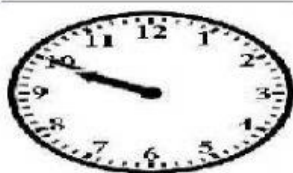
4.



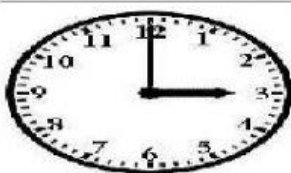
5.



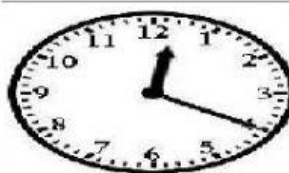
6.



7.



8.



9.

2. Match the pictures with the suitable names ( Nối hình của mỗi phương tiện với tên thích hợp)

**Read, look and match**



**TRAIN**



**LORRY**



**PLANE**



**BUS**



**CAR**



**MOTORBIKE**

